TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2024
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Tỏ**

2. Bà **Huỳnh Thị Long**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 488/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Kim Y**, sinh năm xxxx. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn VL, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh năm xxxx. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn VL, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ngân hàng thương mại cổ phần SG - Chi nhánh huyện G, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Thanh T** - Giám đốc Chi nhánh huyện G. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn VL, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 04/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Kim Y trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh S chung sống với nhau từ tháng 12/2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là: UBND) thị trấn VL, huyện G vào năm 2009. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S ngoại tình, chị nhiều lần tha thứ nhưng anh S vẫn không thay

đổi. Chị đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng vì sốc tâm lý, muốn bảo vệ gia đình cho con nên chị rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm; tuy nhiên, sau đó anh S vẫn không thay đổi, ngoại tình công khai và thường xuyên đánh đập chị nên nay chị yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 02 người con chung là cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 02/12/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 05/7/2012 hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về T1 sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/02/2024, bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:*

- Về hôn nhân: Vợ chồng anh đám cưới năm 2007 và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VL sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 03 năm. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do anh cờ bạc và có quen người phụ nữ khác, hiện anh không còn quen người phụ nữ này nhưng vợ anh vẫn giận anh và cương quyết ly hôn. Nay theo yêu cầu của vợ anh thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh chung sống có 02 người con chung là cháu Nguyễn Chí T1, sinh năm 2008 hiện đang sống cùng vợ chồng anh và cháu Nguyễn Ngọc Cát T, sinh năm 2012 hiện sống cùng mẹ anh ngụ khu phố L, thị trấn VL. Ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho vợ anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về T1 sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh có nhà đất tại thị trấn VL và hiện anh đang đứng tên vay ngân hàng SG huyện G số tiền 600.000.000 đồng để mua đất, hiện hàng tháng anh đang trả vốn lãi đúng hạn cho ngân hàng. Ly hôn, anh nhận trả khoản nợ này cho ngân hàng, vợ anh không liên quan. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về T1 sản chung và nợ chung.

** Theo văn bản số 20/2024CV-CNGCĐ ngày 14/3/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan SG - Chi nhánh G trình bày:*

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 202326980029 ngày 01/3/2023; Hợp đồng thế chấp số 02326980029 ngày 01/3/2023; Giấy nhận nợ số LD2306000655 ngày 01/3/2023 giữa Ngân hàng TMCP SG và anh Nguyễn Thanh S, chị Hà Thị Kim Y, ngày 01/3/2023, Ngân hàng có cho anh S và chị Y vay số tiền 600.000.000 đồng, dư nợ đến ngày 14/3/2024 là 480.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh S và chị Y đã thực hiện thanh toán nợ đúng hạn theo hợp đồng, không phát sinh trễ hạn nên Sacombank đồng ý cho anh chị duy trì khoản vay để tiếp tục trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Kim Y, cho chị Y được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Chí T1, sinh ngày 02/12/2008 và Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 05/7/2012 cho chị Y nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các bên đương sự đều xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Y, nhận thấy:

Chị và anh S kết hôn năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VL, huyện G theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 21/4/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2023 do anh S cờ bạc và ngoại tình, nay anh chị thuận tình ly hôn nên ghi nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 02 người con chung là cháu Nguyễn Chí T1, sinh ngày 02/12/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 05/7/2012. Xét yêu cầu được nuôi 02 con chung của chị Y là có cơ sở chấp nhận; vì 02 cháu đều có nguyện vọng được sống cùng chị sau khi vợ chồng chị ly hôn; hơn nữa, anh S cũng đồng ý, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về T1 sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[6] Về nợ chung: Đối với khoản vay của anh S và chị Y tại Sacombank - Chi nhánh huyện G thì do Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét, trường hợp phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Y yêu cầu xin ly hôn nên chị phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Kim Y và anh Nguyễn Thanh S.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Nguyễn Chí T1, sinh ngày 02/12/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 05/7/2012 cho chị Y nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con:

- Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Y phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013103 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND TT. VL, H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.